

Bản án số: 302/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 13 – 5 - 2024  
V/v ly hôn Sang – Huyền

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đoàn Trí Thiện.

Bà Huỳnh Thị Thê Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Tiên Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2024/TLST - HNGĐ ngày 13/03/2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Đào Văn S**, sinh năm 1997.

Trú tại: **Số A, đường P, xã P, huyện C, Thành Phố Hồ Chí Minh**

*Bị đơn:* Bà **Trương Thị Diệu H**, sinh năm 2001.

Trú tại: **tổ I, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.**

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 11/03/2024 nguyên đơn ông **Đào Văn S** trình bày:

Bà **H**, ông **S** sau thời gian tìm hiểu được sự đồng ý của ông, bà và gia đình rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **P** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 22 tháng 01 năm 2021. Sau khi kết hôn thì ông **S**, bà **H** sống tại nhà chồng thuộc **huyện C, Thành Phố Hồ Chí Minh**. Thời gian đầu sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà **H** không phù hợp gia đình chồng, thường xuyên cãi nhau với mẹ chồng, ông **S** đi làm đưa tiền cho bà **H** chi tiêu sinh hoạt

trong gia đình nhưng vợ thường xuyên bảo không đủ tiền nhưng tiền vợ làm gì thì ông **S** không rõ, vợ chồng vì thế hay cãi nhau ngày 30/4/2022 bà **H** bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân. Trong thời gian ly thân ông **S** có gọi điện cho vợ về nhà nhưng điện thoại vợ không nghe máy. Nay tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với bà **Diệu H**

Con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn **Trương Thị Diệu H** vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân được ông **Trương Văn C** (cha đẻ của bà **H**) cho biết: ông có nhận được thông báo và quyết định của Tòa án thay cho bà **H**, có cho bà **H** hay việc ông **S** yêu cầu ly hôn nhưng bà **H** bận đi làm không về tham gia phiên Tòa được, bà **H** hiện đang sinh sống với gia đình ông tại **ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang**, bà **H** cũng đồng ý ly hôn với **S**. Vợ chồng **S, H** sống không được hạnh phúc và chưa có con chung, tài sản chung, nợ chung thì tôi ông **C** không rõ.

*Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Bà **H** không có mặt theo các thông báo là thực hiện không đúng Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho ông **S** được ly hôn với bà **H**. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông **S** yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với bà **H** nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại **ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang** nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà **H** và ông **S** tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống và có đăng ký kết hôn năm 2021 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. ông **S** cho rằng bà

**H** chung sống vợ chồng nhưng không phù hợp gia đình chồng, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình chỉ một mình ông **S** lo liệu, ông **S** đi làm đưa tiền cho bà **H** nhưng bà **H** đều bảo không đủ nhưng chi tiêu những gì ông **S** có hỏi nhưng bà **H** không trả lời được, vợ chồng vì thế hay cãi nhau, ngày 30/4/2022 bà **H** bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân ông **S** có điện thoại cho bà **H** để hàn gắn tình cảm nhưng bà **H** không đồng ý, nay ông **S** xin ly hôn bà **H**.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”. Thế nhưng vợ chồng ông **S**, bà **H** không còn chung sống khoảng hơn hai năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho ông **Đào Văn S** được ly hôn bà **Diệu H**.

[2.2] Về con chung: Không

[2.3] Ông **S** trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: Ông **S** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Đào Văn S**

Về hôn nhân: Cho ông **Đào Văn S** được ly hôn bà **Trương Thị Diệu H**.

Về con chung: Không.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: ông **Đào Văn S** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006734 ngày 12/03/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Ông **S** không phải nộp thêm án phí.

Bà **H** không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông **S**, bà **H** vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Ngọc Thảo**